

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang
bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên môi trường biển và hải đảo ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 02/7/2012;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đề điều ngày 29/11/2006;

Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1267/TTr-STNMT ngày 03/4/2017 về phê duyệt Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Ngãi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Ngãi, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Ngãi gồm 18 khu vực như sau:

STT	Địa phương	Ký hiệu khu vực
1	Xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	KV1
2	Xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	KV2

STT	Địa phương	Ký hiệu khu vực
3	Xã Phở Khánh, huyện Đức Phổ	KV2-1
4	Xã Phở Vinh, huyện Đức Phổ	KV3
5	Xã Phở Quang, huyện Đức Phổ	KV4
6	Xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức	KV5
7	Xã Nghĩa An, Tp Quảng Ngãi	KV6
8	Xã Tịnh Khê, Tp Quảng Ngãi	KV7
9	Xã Tịnh Kỳ, Tp Quảng Ngãi	KV8
10	Xã Bình Châu, huyện Bình Sơn	KV9
11	Xã Bình Phú, huyện Bình Sơn	KV10
12	Xã Bình Hải, huyện Bình Sơn	KV11
13	Xã Bình Trị, huyện Bình Sơn	KV12
14	Xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn	KV13
15	Xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn	KV14
16	Xã An Vĩnh, huyện Lý Sơn	KV15
17	Xã An Hải, huyện Lý Sơn	KV16
18	Xã An Bình, huyện Lý Sơn	KV17

(Nội dung chi tiết từng khu vực tại phụ lục kèm theo Quyết định này)

2. Tổng chiều dài khu vực cần thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển là **89.550 m**. Trong đó:

- Khu vực đất liền: Tổng chiều dài bờ biển cần thiết lập hành lang bảo vệ/tổng chiều dài bờ biển: **75.474 m/143.075 m**.

- Khu vực Đảo Lớn: Tổng chiều dài bờ biển cần thiết lập hành lang bảo vệ/tổng chiều dài bờ biển: **11.184 m/14.315 m**.

- Khu vực Đảo Bé: Tổng chiều dài bờ biển cần thiết lập hành lang bảo vệ/tổng chiều dài bờ biển: **2.892 m/3.239 m**.

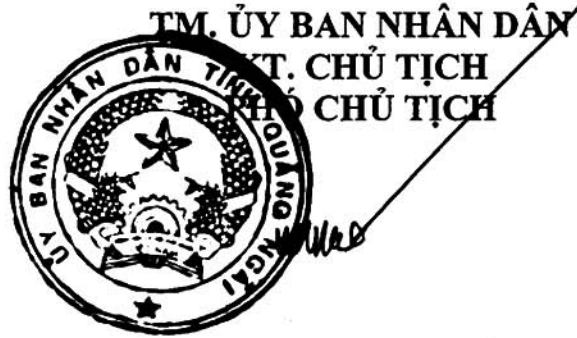
Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường khẩn trương thực hiện các bước tiếp theo để kịp công bố hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Ngãi vào quý 1/2018.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện: Bình Sơn, Mộ Đức, Đức Phổ, Lý Sơn và thành phố Quảng Ngãi và Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT Thường trực UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NL), CBTH;
- Lưu: VT,pNNTN(Lesang108).



Đặng Văn Minh

PHỤ LỤC CHI TIẾT

Danh mục khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 11/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)



STT	Tên		Địa giới hành lang chính	Vị trí địa lý đất liền (Tọa độ dự kiến)			Mô tả khái quát khu vực	Mục đích, chức năng	
				X (m)	Y (m)	Chiều dài BB tương ứng (m)			
1	KV1	Đoạn 1	Xã Phò Châu, huyện Đức Phổ	Điểm đầu	615.156,24	1.616.305,74	766	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực thôn Châu Me, Tân Lộc; - Khu vực bờ biển có rừng phi lao; - Có rong biển khu vực biển ven bờ; - Khu du lịch Sa Huỳnh; - Bờ biển bị xâm thực mạnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm thiểu mức độ ảnh hưởng của sạt lở bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; - Bảo vệ hệ sinh thái rong mơ. - Bảo vệ bãi biển - Bảo vệ quyền tiếp cận của người dân đối với biển
				Điểm cuối	615.334,14	1.616.989,39			
		Đoạn 2		Điểm đầu	615.268,70	1.617.211,95	1.166		
				Điểm cuối	615.036,95	1.618.326,65			
		Đoạn 3		Điểm đầu	614.879,60	1.618.862,48	2.622		
				Điểm cuối	614.566,08	1.621.445,13			
2	KV2		Xã Phò Thạnh, huyện Đức Phổ	Điểm đầu	616.237,78	1.623.662,01	2.329	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực thôn Thạnh Đức; - Bờ biển bị xâm thực mạnh; - Khu vực bờ biển có rừng phi lao 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm thiểu mức độ ảnh hưởng của sạt lở bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.
				Điểm cuối	615.654,66	1.625.746,97			
3	KV2-1		Xã Phò Khánh, huyện Đức Phổ	Điểm đầu	614872,04	1627713,95	4.471	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực phía Nam xã Phò Khánh - Có cụm di tích khảo cổ học Sa Huỳnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ cụm di tích khảo cổ học Sa Huỳnh
				Điểm cuối	612449,34	1631429,63			

STT	Tên	Địa giới hành chính	Vị trí địa lý đất liền (Tọa độ dự kiến)			Chiều dài BB tương ứng (m)	Mô tả khái quát khu vực	Mục đích, chức năng
				X (m)	Y (m)			
4	KV3	Xã Phò Vinh, huyện Đức Phò	Điểm đầu	609.185,00	1.636.773,67	3.188	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực thôn Lộc An, Nam Phước, Khánh Bắc; - Khu vực bờ biển có rừng phi lao; - Bờ biển bị xâm thực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm thiểu mức độ ảnh hưởng của sạt lở bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.
			Điểm cuối	607.647,20	1.639.556,81			
5	KV4	Xã Phò Quang, huyện Đức Phò	Điểm đầu	607.180,71	1.640.549,83	522	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực cửa Mỹ Á; - Khu vực bờ biển có rừng phi lao; - Bờ biển bị xâm thực; - Dân cư sống sát bờ biển. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm thiểu mức độ ảnh hưởng của sạt lở bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.
			Điểm cuối	607.011,66	1.641.039,89			
6	KV5	Xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức	Điểm đầu	597.211,63	1.666.896,61	2.728	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực thôn Vĩnh Phú, Kỳ Tân, An Chuẩn; - Khu vực bờ biển có rừng phi lao; - Bờ biển bị xâm thực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm thiểu mức độ ảnh hưởng của sạt lở bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.
			Điểm cuối	596.988,38	1.669.572,30			
7	KV6	Xã Nghĩa An, Tp Quảng Ngãi	Điểm đầu	596.826,29	1.669.867,37	4.850	<ul style="list-style-type: none"> - Toàn khu vực bờ biển xã Nghĩa An, Tp. Quảng Ngãi; - Khu vực bờ biển có rừng phi lao; - Bờ biển bị xâm thực mạnh; - Ven biển có dân cư tập trung đông đúc; - Phía trong có những đoạn có đường giao thông chạy sát biển (có thể làm ranh giới trong của hành lang) 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm thiểu mức độ ảnh hưởng của sạt lở bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.
			Điểm cuối	596.282,95	1.674.642,19			

STT	Tên	Địa giới hành chính	Vị trí địa lý đất liền (Tọa độ dự kiến)			Chiều dài BB tương ứng (m)	Mô tả khái quát khu vực	Mục đích, chức năng
				X (m)	Y (m)			
8	KV7	Xã Tịnh Khê, Tp Quảng Ngãi	Điểm đầu	596.310,94	1.675.609,03	5.352	<ul style="list-style-type: none"> - Toàn khu vực bờ biển xã Tịnh Khê; - Có rong biển khu vực biển ven bờ; - Có san hô khu vực biển ven bờ; - Khu vực bờ biển có rừng phi lao; - Bờ biển bị xâm thực; - Có khu du lịch biển Mỹ Khê. - Phía trong có những đoạn có đường giao thông chạy sát biển (có thể làm ranh giới trong của hành lang) 	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ hệ sinh thái san hô, rong biển. - Đảm bảo quyền tiếp cận của người dân với biển. - Bảo vệ bãi biển
			Điểm cuối	596.272,12	1.680.796,67			
9	KV8	Xã Tịnh Kỳ, Tp Quảng Ngãi	Điểm đầu	596.272,12	1.680.796,67	4.833	<ul style="list-style-type: none"> - Toàn khu vực bờ biển xã Tịnh Kỳ; - Có rong biển khu vực biển ven bờ; - Có san hô khu vực biển ven bờ; - Khu vực bờ biển có rừng phi lao; - Bờ biển bị xâm thực; - Có khu du lịch biển Mỹ Khê. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm thiểu mức độ ảnh hưởng của sạt lở bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; - Bảo vệ hệ sinh thái san hô, rong biển.
			Điểm cuối	599.045,54	1.682.163,90			
10	KV9	Xã Bình Châu, huyện	Điểm đầu	599.547,70	1.682.445,40	7.361	<ul style="list-style-type: none"> - Toàn khu vực bờ biển xã Bình Châu;(trừ khu vực Càng Sa Kỳ); 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm thiểu mức độ ảnh hưởng của sạt lở

STT	Tên	Địa giới hành chính	Vị trí địa lý đất liền (Tọa độ dự kiến)			Mô tả khái quát khu vực	Mục đích, chức năng	
				X (m)	Y (m)			Chiều dài BB tương ứng (m)
		Bình Sơn	Điểm cuối	599.225,87	1.686.725,40		<ul style="list-style-type: none"> - Có rong biển khu vực biển ven bờ; - Có san hô khu vực biển ven bờ; - Có nguồn lợi thủy sản (tôm, cá,...) khu vực biển ven bờ; - Khu vực bờ biển có rừng phi lao; - Bờ biển bị xâm thực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; - Bảo vệ hệ sinh thái san hô, rong biển.
11	KV10	Xã Bình Phú, huyện Bình Sơn	Điểm đầu	594.675,84	1.689.816,34	2.049	<ul style="list-style-type: none"> - Toàn khu vực bờ biển xã Bình Phú; - Có rong biển khu vực biển ven bờ; - Có san hô khu vực biển ven bờ; - Có nguồn lợi thủy sản (tôm,...) khu vực biển ven bờ; - Khu vực bờ biển có rừng phi lao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ hệ sinh thái san hô, rong biển.
			Điểm cuối	593.550,05	1.691.505,71			
12	KV11	Xã Bình Hải, huyện Bình Sơn	Điểm đầu	593.550,05	1.691.505,71	12.075	<ul style="list-style-type: none"> - Toàn khu vực bờ biển xã Bình Hải; - Có rong biển khu vực biển ven bờ; - Có san hô khu vực biển ven bờ; - Có nguồn lợi thủy sản (tôm, ốc, cá) khu vực biển ven bờ; - Bờ biển bị xâm thực tại một số đoạn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm thiểu mức độ ảnh hưởng của sạt lở bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; - Bảo vệ hệ sinh thái san hô, rong biển; - Bảo vệ loài nguy cấp: ốc sứ mắt trĩ, cá bàng chài đầu đen.
			Điểm cuối	591.763,91	1.697.469,48			

STT	Tên	Địa giới hành chính	Vị trí địa lý đất liền (Tọa độ dự kiến)			Chiều dài BB tương ứng (m)	Mô tả khái quát khu vực	Mục đích, chức năng
				X (m)	Y (m)			
13	KV12	Xã Bình Trị, huyện Bình Sơn	Điểm đầu	591.763,91	1.697.469,48	3.205	<ul style="list-style-type: none"> - Toàn bộ khu vực bờ biển xã Bình Trị; - Có rong biển khu vực biển ven bờ; - Có san hô khu vực biển ven bờ; - Có nguồn lợi thủy sản (tôm,...) khu vực biển ven bờ; - Khu vực bờ biển có rừng phi lao; - Bờ biển bị xâm thực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ hệ sinh thái san hô, rong biển; - Bảo vệ loài nguy cấp: ốc sứ mắt trĩ, cá bàng chài đầu đen.
			Điểm cuối	589.578,13	1.699.470,46			
14	KV13	Xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn	Điểm đầu	589.578,13	1.699.470,46	14.271	<ul style="list-style-type: none"> - Toàn bộ khu vực bờ biển xã Bình Thuận (trừ khu vực cảnh Dung Quất); - Có rong biển khu vực biển ven bờ; - Có nguồn lợi thủy sản (tôm, cá, ốc,...) khu vực biển ven bờ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ hệ sinh thái san hô, rong biển; - Bảo vệ loài nguy cấp: ốc sứ mắt trĩ, cá bàng chài đầu đen.
			Điểm cuối	585.152,75	1.705.300,71			
15	KV14	Xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn	Điểm đầu	582.573,70	1.701.930,29	3.686	<ul style="list-style-type: none"> - Toàn bộ khu vực bờ biển xã Bình Thạnh; - Có rong biển khu vực biển ven bờ; - Có nguồn lợi thủy sản (tôm, cá, ốc,...) khu vực biển ven bờ; - Khu vực bờ biển có rừng phi lao; - Bờ biển bị xâm thực khu vực cửa Sa Cản; 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm thiểu mức độ ảnh hưởng của sạt lở bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; - Bảo vệ hệ sinh thái san hô, rong biển; - Bảo vệ loài nguy cấp: ốc sứ mắt trĩ, cá bàng chài đầu đen. - Bảo vệ bãi biển
			Điểm cuối	579.231,52	1.703.215,34			

STT	Tên	Địa giới hành chính	Vị trí địa lý đất liền (Tọa độ dự kiến)				Mô tả khái quát khu vực	Mục đích, chức năng
				X (m)	Y (m)	Chiều dài BB tương ứng (m)		
							- Có khu du lịch sinh thái Thiên Đàng.	- Bảo vệ quyền tiếp cận của người dân đối với biển
16	KV15	Đoạn 1	Điểm đầu	617.493,51	1.700.765,87	1.200	<ul style="list-style-type: none"> - Toàn bộ khu vực bờ biển xã An Vĩnh (trừ khu vực cảng Lý Sơn, Bến Định); - Có rong biển khu vực biển ven bờ; - Có san hô khu vực biển ven bờ; - Có nguồn lợi thủy sản (tôm, cá, ốc...) khu vực biển ven bờ. - Có chùa Đục - Công Tò Vo Lý Sơn - Có đường giao thông chạy dọc biển (có thể làm ranh giới trong của hành lang) 	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ hệ sinh thái san hô, rong biển; - Bảo vệ loài nguy cấp: Ốc tù và, Ốc sứ, Ốc hô lô. - Bảo vệ danh lam thắng cảnh (công Tò Vò,..)
			Điểm cuối	618.513,61	1.700.493,67			
		Đoạn 2	Điểm đầu	619.538,94	1.700.137,20	369		
			Điểm cuối	619.900,22	1.700.153,36			
		Đoạn 3	Điểm đầu	619.124,57	1.702.580,44	2.746		
			Điểm cuối	617.075,09	1.701.500,00			
17	KV16	Đoạn 1	Điểm đầu	619.900,22	1.700.153,36	2.842	<ul style="list-style-type: none"> - Toàn bộ khu vực bờ biển xã An Hải (trừ khu vực neo đậu tàu thuyền Mù Cu); - Có rong biển khu vực biển ven bờ; - Có san hô khu vực biển ven bờ; - Có nguồn lợi thủy sản (tôm, cá, ốc...) khu vực biển ven bờ. - Có di tích văn hóa Chùa Hang - Có đường giao thông chạy dọc biển (có thể làm ranh giới trong của hành lang) 	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ hệ sinh thái san hô, rong biển; - Bảo vệ loài nguy cấp: Ốc tù và, Ốc sứ, Ốc hô lô. - Bảo vệ di tích văn hóa Chùa Hang
			Điểm cuối	622.265,31	1.701.057,15			
		Đoạn 2	Điểm đầu	622.527,06	1.701.712,68	4.027		
			Điểm cuối	619.124,57	1.702.580,44			

STT	Tên	Địa giới hành chính	Vị trí địa lý đất liền (Tọa độ dự kiến)			Chiều dài BB tương ứng (m)	Mô tả khái quát khu vực	Mục đích, chức năng
				X (m)	Y (m)			
18	KV17	Xã An Bình, huyện Lý Sơn	Điểm đầu	615.843,60	1.706.411,73	2.892	<ul style="list-style-type: none"> - Toàn bộ khu vực bờ biển xã An Bình (trừ khu vực cảng Đảo Bé); - Có rong biển khu vực biển ven bờ; - Có san hô khu vực biển ven bờ; - Có nguồn lợi thủy sản (tôm, cá, ốc...); khu vực biển ven bờ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ hệ sinh thái san hô, rong biển; - Bảo vệ loài nguy cấp: Ốc tù và, Ốc sứ, Ốc hô lỗ.
			Điểm cuối	615.510,79	1.706.450,65			